

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG VÀ XÂY DỰNG  
VINACONEX XUÂN MAI**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 29

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Đoàn Châu Phong	Chủ tịch
Ông Đặng Hoàng Huy	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Lưu	Ủy viên
Ông Trần Trọng Diên	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Đa	Ủy viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Đặng Hoàng Huy	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Trọng Diên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Thạch Cương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Liên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Ngọc Nho	Phó Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Đặng Hoàng Huy**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 29 tháng 8 năm 2012

Số: *315* /Deloitte-AUDHN-RE

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai và các công ty con (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 29. Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

*Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính hợp nhất đến vấn đề sau:*

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở giả định Công ty tiếp tục hoạt động trong 12 tháng tới kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2012. Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty có lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 là âm 44.506.771.123 VND; tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, công nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 192.168.968.062 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 158.399.901.651 VND). Kế hoạch của ban lãnh đạo Công ty liên quan đến vấn đề về khả năng thanh khoản này được trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề không chắc chắn nêu trên.



**Dương Chí Dũng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

*Ngày 29 tháng 8 năm 2012*  
*Hà Nội, CHXHCN Việt Nam*

**Nguyễn Thanh Hương**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1415/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

MÃ SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>1.291.237.323.982</b>	<b>1.228.835.380.194</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>30.921.801.658</b>	<b>56.907.010.406</b>
1. Tiền	111		30.921.801.658	56.907.010.406
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>8.086.125.323</b>	<b>8.890.586.823</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		8.154.375.323	8.890.586.823
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(68.250.000)	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>366.229.790.973</b>	<b>459.918.249.516</b>
1. Phải thu khách hàng	131		254.214.609.282	329.294.990.369
2. Trả trước cho người bán	132	5	120.637.823.687	138.330.402.534
3. Các khoản phải thu khác	135		6.331.481.937	8.696.179.705
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(14.954.123.933)	(16.403.323.092)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>794.734.211.207</b>	<b>642.447.960.111</b>
1. Hàng tồn kho	141		800.183.654.616	644.248.072.756
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.449.443.409)	(1.800.112.645)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>91.265.394.821</b>	<b>60.671.573.338</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		10.779.945.744	3.028.009.034
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		33.312.257.430	16.401.239.801
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		7.801.821.680	9.181.738.753
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	39.371.369.967	32.060.585.750
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+240+250+260+269)	<b>200</b>		<b>721.707.076.442</b>	<b>684.738.186.679</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>351.199.000</b>	<b>3.855.458.709</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		351.199.000	381.199.000
2. Phải thu dài hạn khác	218		-	3.474.259.709
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>519.982.295.716</b>	<b>533.144.468.929</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	470.630.708.262	461.227.604.853
- Nguyên giá	222		675.978.901.166	637.279.540.796
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(205.348.192.904)	(176.051.935.943)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		3.666.818.032	3.967.593.274
- Nguyên giá	225		4.210.853.364	4.210.853.364
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(544.035.332)	(243.260.090)
3. Tài sản cố định vô hình	227		464.125.225	541.669.642
- Nguyên giá	228		998.451.004	998.451.004
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(534.325.779)	(456.781.362)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	45.220.644.197	67.407.601.160
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>10</b>	<b>45.910.627.199</b>	-
- Nguyên giá	241		46.374.370.908	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(463.743.709)	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>118.075.341.602</b>	<b>109.767.583.157</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	258	12	119.260.871.445	110.100.941.213
2. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(1.185.529.843)	(333.358.056)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>31.236.996.593</b>	<b>31.425.648.814</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		30.176.621.616	30.347.357.172
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		701.311.642	719.228.307
3. Tài sản dài hạn khác	268		359.063.335	359.063.335
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		<b>6.150.616.332</b>	<b>6.545.027.070</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>2.012.944.400.424</b>	<b>1.913.573.566.873</b>

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>1.629.279.848.980</b>	<b>1.490.660.266.692</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.483.406.292.044</b>	<b>1.387.235.281.845</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	675.803.748.185	636.320.515.684
2. Phải trả người bán	312		272.166.975.936	279.452.494.126
3. Người mua trả tiền trước	313		187.262.996.379	228.654.095.988
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	140.216.838.778	25.013.453.221
5. Phải trả người lao động	315		38.865.115.853	31.653.204.432
6. Chi phí phải trả	316		10.470.777.950	39.226.247.705
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	152.109.208.323	142.308.207.912
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		581.734.158	255.632.690
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		5.928.896.482	4.351.430.087
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>145.873.556.936</b>	<b>103.424.984.847</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	16	98.570.782.864	101.834.230.481
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		566.523.983	754.754.366
3. Dự phòng phải trả dài hạn	337		264.061.000	836.000.000
4. Doanh thu chưa thực hiện	338	17	46.472.189.089	-
<b>B. NGUỒN VỐN (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>307.208.312.506</b>	<b>331.238.433.253</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>307.208.312.506</b>	<b>331.238.433.253</b>
1. Vốn điều lệ	411		199.982.400.000	199.982.400.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		62.734.116.794	62.734.116.794
3. Cổ phiếu quỹ	414		(30.845.085)	(30.845.085)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		36.134.865.784	35.282.235.820
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		9.510.488.792	8.642.185.890
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(1.122.713.779)	24.628.339.834
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>76.456.238.938</b>	<b>91.674.866.928</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440=300+400+439)	<b>440</b>		<b>2.012.944.400.424</b>	<b>1.913.573.566.873</b>



**Đặng Hoàng Huy**  
 Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2012

**Mai Xuân Toàn**  
 Kế toán trưởng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

**MẪU SỐ B 02-DN/HN**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		464.222.878.933	477.091.297.751
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>20</b>	<b>464.222.878.933</b>	<b>477.091.297.751</b>
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	21	389.332.440.231	368.931.683.549
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>74.890.438.702</b>	<b>108.159.614.202</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.271.220.695	1.299.264.561
7. Chi phí tài chính	22	22	48.212.643.770	32.544.253.243
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		44.190.715.982	29.553.297.444
8. Chi phí bán hàng	24		20.361.407.233	17.413.106.157
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		33.825.004.973	42.652.615.566
<b>10. (Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))</b>	<b>30</b>		<b>(26.237.396.579)</b>	<b>16.848.903.797</b>
11. Thu nhập khác	31		2.638.060.909	1.912.552.872
12. Chi phí khác	32		632.935.141	1.153.614.709
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>2.005.125.768</b>	<b>758.938.163</b>
<b>14. Tổng (lỗ)/Lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(24.232.270.811)</b>	<b>17.607.841.960</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		3.913.104.831	4.424.880.853
16. (Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	(12.683.574)
<b>17. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>(28.145.375.642)</b>	<b>13.195.644.681</b>
Trong đó:				
(Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(9.025.113.337)	376.116.102
(Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		(19.120.262.305)	12.819.528.579
18. (Lỗ)/Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	(956)	725



**Đặng Hoàng Huy**  
 Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2012

*(Handwritten signature)*

**Mai Xuân Toàn**  
 Kế toán trưởng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. (Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	01	(24.232.270.811)	17.607.841.960
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	31.464.689.435	20.681.629.107
Các khoản dự phòng	03	3.446.654.860	7.892.069.428
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(1.230.979.466)	(1.460.041.731)
Chi phí lãi vay	06	44.190.715.982	29.553.297.444
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	53.638.810.000	74.274.796.208
Biến động các khoản phải thu	09	65.446.101.998	98.080.275.305
Biến động hàng tồn kho	10	(202.309.952.768)	(178.032.913.019)
Biến động các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	91.502.827.506	258.250.749.923
Biến động chi phí trả trước	12	(7.186.790.416)	(1.192.395.366)
Tiền lãi vay đã trả	13	(43.569.468.157)	(25.175.141.333)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.510.852.368)	(3.188.049.010)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	113.553.074
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(517.446.918)	(3.084.695.367)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(44.506.771.123)	220.046.180.415
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(19.637.487.076)	(92.283.590.720)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	143.087.293	790.654.990
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(11.599.313.483)	(38.652.397.942)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	12.335.524.983	19.252.763.596
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(168.000.000)	(62.448.195.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	1.118.176.816
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.227.965.774	1.182.462.593
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(17.698.222.509)	(171.040.125.667)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của các cổ đông	31	-	48.237.440.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	463.678.125.953	419.855.315.937
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(427.458.341.069)	(531.450.669.798)
4. Lợi nhuận, cổ tức đã trả cho các cổ đông	36	-	(29.994.720.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	36.219.784.884	(93.352.633.861)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(25.985.208.748)	(44.346.579.113)
Tiền tồn đầu kỳ	60	56.907.010.406	103.774.202.247
Tiền tồn cuối kỳ	70	30.921.801.658	59.427.623.134

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác không bao gồm số tiền 8.991.930.232 VND được bù trừ với số dư phải thu khách hàng. Do đó, nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến biến động của tiền và cũng không được ghi nhận như một phần tiền chi góp vốn vào đơn vị khác.



**Đặng Hoàng Huy**  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2012

**Mai Xuân Toàn**  
Kế toán trưởng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai (gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Nhà máy Bê tông Xuân Mai, được chuyển thành Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai theo Quyết định số 1434/QĐ-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2004. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000122 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 04 tháng 12 năm 2003 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) với mã giao dịch XMC.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, các loại cấu kiện bê tông và xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp; Thi công xây dựng cầu, đường, công trình thủy lợi; Xây dựng các khu đô thị, khu công nghiệp; Kinh doanh phát triển nhà, trang trí nội ngoại thất;
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, các loại cấu kiện bê tông, các loại ống cấp thoát nước; Chuyển giao công nghệ mới, thiết bị tự động hóa trong xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh vận chuyển hàng hóa, vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng;
- Tư vấn đầu tư, thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, lập dự án, tư vấn đấu thầu, tư vấn giám sát, quản lý dự án;
- Chế tạo lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị, dây chuyền công nghệ, thiết bị tự động hóa trong xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh xăng dầu;
- Khai thác đá;
- Thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Xuất nhập khẩu vật tư, máy móc thiết bị, phụ tùng dây chuyền công nghệ, vật liệu xây dựng; Hoạt động kinh doanh bất động sản và dịch vụ thương mại;
- Gia công, chế tạo, hoán cải phương tiện vận tải;
- Thiết kế, gia công chế tạo thiết bị nâng (không bao gồm thiết kế phương tiện vận tải);
- Khám chữa bệnh - Phòng khám đa khoa;
- Kinh doanh dược - Quầy thuốc.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

***Đánh giá của Ban Giám đốc về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty trong 12 tháng tới kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2012***

Công ty có lưu chuyển tiền thuận từ hoạt động kinh doanh trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 là âm 44.506.771.123 VND; tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, công nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 192.168.968.062 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 158.399.901.651 VND). Khả năng thanh toán của Công ty phụ thuộc vào lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh có thể thu được trong tương lai, khả năng huy động vốn từ khách hàng mua bất động sản, khả năng vay vốn từ các tổ chức tín dụng và các tổ chức kinh tế, cũng như khả năng huy động vốn từ các nhà đầu tư. Kế hoạch tài chính của ban lãnh đạo Công ty liên quan đến vấn đề này được trình bày dưới đây:

- Công ty đã có các khoản cam kết cấp tín dụng của một số ngân hàng thương mại theo các hợp đồng hạn mức tín dụng;
- Công ty cũng đang tìm các nguồn tài chính khác để có thể tự trang trải được các khoản nợ khi đáo hạn.

Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng không có sự kiện nào ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty; theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ kết quả của sự kiện không chắc chắn nêu trên.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 6 năm 2012. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)**

Ngày 06 tháng 6 năm 2011, Công ty mua thêm cổ phần mới phát hành của Công ty Cổ phần Bê tông Vinaconex Phan Vũ và Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Vinaconex Xuân Mai. Tuy nhiên, Công ty không xác định được giá trị hợp lý của tài sản thuần của Công ty Cổ phần Bê tông Vinaconex Phan Vũ và Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Vinaconex Xuân Mai tại ngày 06 tháng 6 năm 2011 nên Công ty không tính toán được lợi thế/bất lợi thương mại phát sinh tại thời điểm mua các khoản đầu tư này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**Công cụ tài chính**

***Ghi nhận ban đầu***

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Từ ngày 01/01/2012</u> <u>đến ngày 30/6/2012</u>	<u>Từ ngày 01/01/2011</u> <u>đến ngày 30/6/2011</u>
	(Số năm)	(Số năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	8 - 30	20
Máy móc và thiết bị	5 - 10	5 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 6	3 - 6
Phương tiện vận tải	10	10
Tài sản cố định khác	3 - 6	3 - 6

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm giá trị thương hiệu và giá trị phần mềm kế toán, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị thương hiệu của Công ty được nhận bàn giao từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định của Bộ Xây dựng về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa của Nhà máy Bê tông và Xây dựng Xuân Mai. Tài sản này được khấu hao trong vòng 10 năm bắt đầu từ năm 2004. Giá trị phần mềm kế toán được khấu hao trong vòng 03 năm kể từ ngày đưa vào sử dụng.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị, chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà xưởng, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 50 năm.

**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

Đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản sau đây:

- Các khoản ủy thác đầu tư theo hợp đồng ủy thác đầu tư và các khoản cho vay dài hạn được ghi nhận trên cơ sở giá gốc trừ dự phòng giảm giá (nếu có).
- Đầu tư dài hạn khác phản ánh các khoản vốn góp vào các công ty cổ phần, trong đó Công ty nắm giữ dưới 20% vốn điều lệ, và các khoản đầu tư khác với thời hạn lớn hơn 1 năm. Các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá (nếu có) trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty đã thực hiện mọi biện pháp cần thiết để thu thập các thông tin liên quan đến các khoản đầu tư tài chính dài hạn để xem xét lập dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư này. Tuy nhiên:

- Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn là khoản góp vốn vào các tổ chức kinh tế: Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính của một số tổ chức kinh tế mà Công ty góp vốn để đánh giá khả năng suy giảm giá trị; theo đó, các khoản góp vốn này được trình bày theo giá gốc. Trong trường hợp sau ngày phát hành báo cáo tài chính, nếu có đầy đủ thông tin đáng tin cậy liên quan tới sự giảm giá của các khoản đầu tư này tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty sẽ đánh giá mức độ trọng yếu để có những xử lý kế toán phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán hiện hành.
- Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn là các khoản ủy thác đầu tư theo hợp đồng hợp tác đầu tư: Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng các khoản đầu tư này không bị suy giảm giá trị. Vì vậy, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn này. Trong trường hợp sau ngày phát hành báo cáo tài chính, nếu có đầy đủ thông tin đáng tin cậy liên quan tới sự giảm giá của các khoản đầu tư này tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty sẽ đánh giá mức độ trọng yếu để có những xử lý kế toán phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán hiện hành.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của Công ty chủ yếu bao gồm doanh thu từ các hoạt động sau:

- Kinh doanh các mặt hàng bê tông thương phẩm, cấu kiện bê tông;
- Xây dựng, lắp đặt cấu kiện bê tông cho các công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14, khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14, khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau: Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ và được phản ánh trên hóa đơn đã lập căn cứ vào phần việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng theo phương pháp tỷ lệ phần trăm.

Đối với bất động sản mà Công ty bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến bất động sản đã được chuyển giao sang người mua. Đối với bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất mà theo đó Công ty có nghĩa vụ xây dựng và hoàn tất dự án bất động sản và người mua thanh toán tiền theo tiến độ xây dựng và chấp nhận các lợi ích và rủi ro từ những biến động trên thị trường, doanh thu và giá vốn được ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành của công việc xây dựng vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá vốn của bất động sản bán trước khi xây dựng hoàn tất được xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh cho xây dựng đất đai và chi phí xây dựng ước tính để hoàn tất dự án bất động sản.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty có khoản lỗ mang sang (chưa được quyết toán thuế) có thể bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong thời hạn 5 năm. Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế này do không chắc chắn về thu nhập trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TIỀN**

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Tiền mặt	13.691.013.721	8.913.035.877
Tiền gửi ngân hàng	17.230.787.937	47.993.974.529
	<u><b>30.921.801.658</b></u>	<u><b>56.907.010.406</b></u>

**5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

Số dư trả trước cho người bán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 bao gồm 85.221.908.000 VND là tiền mua đất trả cho các cá nhân năm 2009. Công ty đang thực hiện các thủ tục để chuyển quyền sở hữu đất từ cá nhân sang cho Công ty. Ban Giám đốc Công ty đánh giá và tin tưởng rằng việc chuyển quyền sở hữu đất sẽ thực hiện được; do đó, Công ty không trích lập dự phòng cho khoản phải thu này.

**6. HÀNG TỒN KHO**

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	85.075.682.310	80.909.357.582
Công cụ, dụng cụ	1.991.398.064	1.366.045.828
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	638.023.297.296	452.489.361.922
Thành phẩm	59.702.175.398	87.003.308.288
Hàng hóa	54.075.056	86.245.678
Hàng gửi đi bán	15.337.026.492	22.393.753.458
	<u><b>800.183.654.616</b></u>	<u><b>644.248.072.756</b></u>
Trừ: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>(5.449.443.409)</u>	<u>(1.800.112.645)</u>
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<u><b>794.734.211.207</b></u>	<u><b>642.447.960.111</b></u>

Một số hàng tồn kho luân chuyển (giá trị xây dựng dở dang, dầm cầu, cọc bê tông, cấu kiện công trình, vữa khô xây dựng, thành phẩm khác...) được dùng để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

**7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Tạm ứng	39.363.471.369	32.050.293.951
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7.898.598	10.291.799
	<u><b>39.371.369.967</b></u>	<u><b>32.060.585.750</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG VÀ XÂY DỰNG VINACONEX XUÂN MAI**  
Tầng 3, Tòa nhà CT2, Ngõ Thị Nhậm, Hà Đông  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2012	280.671.232.533	276.032.572.477	57.602.060.436	11.163.194.545	11.810.480.805	637.279.540.796
Mua sắm trong kỳ	-	3.280.364.111	199.727.274	73.380.908	167.718.182	3.721.190.475
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	35.916.939.211	527.673.391	-	-	-	-
Phân loại lại	24.409.090	(38.329.090)	32.920.000	(19.000.000)	-	36.444.612.602
Thanh lý, nhượng bán	-	(745.094.354)	(99.681.819)	(621.666.534)	-	(1.466.442.707)
<b>Tại ngày 30/6/2012</b>	<b>316.612.580.834</b>	<b>279.057.186.535</b>	<b>57.735.025.891</b>	<b>10.595.908.919</b>	<b>11.978.198.987</b>	<b>675.978.901.166</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2012	41.066.384.915	105.548.102.323	22.285.642.301	4.080.446.727	3.071.359.677	176.051.935.943
Trích khấu hao trong kỳ	9.930.220.725	15.603.133.590	3.069.295.261	453.105.192	1.566.871.299	30.622.626.067
Phân loại lại	(17.301.038)	54.973.873	-	(37.672.835)	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(704.702.572)	-	(621.666.534)	-	(1.326.369.106)
<b>Tại ngày 30/6/2012</b>	<b>50.979.304.602</b>	<b>120.501.507.214</b>	<b>25.354.937.562</b>	<b>3.874.212.550</b>	<b>4.638.230.976</b>	<b>205.348.192.904</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 30/6/2012	265.633.276.232	158.555.679.321	32.380.088.329	6.721.696.369	7.339.968.011	470.630.708.262
Tại ngày 31/12/2011	239.604.847.618	170.484.470.154	35.316.418.135	7.082.747.818	8.739.121.128	461.227.604.853

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình được dùng để cầm cố, thế chấp, đặt cọc, đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 216.653.861.058 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 232.326.929.128 VND).

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 với giá trị là 52.255.455.284 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 48.239.672.659 VND).

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012, Ban Giám đốc đã thay đổi tỷ lệ khấu hao tài sản cố định hữu hình như trình bày tại Thuyết minh số 3. Ban Giám đốc tin rằng việc áp dụng tỷ lệ khấu hao mới sẽ phản ánh chính xác hơn hiệu suất sử dụng tài sản cố định của Công ty. Nếu tỷ lệ khấu hao trước đây được tiếp tục sử dụng, chi phí khấu hao trong kỳ sẽ tăng với số tiền là 932.639.859 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Tầng 3 CT2 Ngõ Thi Nhậm	884.954.138	23.553.767.102
Hạng mục nhà xưởng sản xuất	3.938.389.713	13.455.967.101
Nhà máy bê tông dự ứng lực Đà Nẵng	24.143.276.956	8.571.881.144
Công trình nhà máy bê tông dự ứng lực	7.216.332.516	8.319.035.419
Hạ tầng Khu Trung tâm Thương mại	6.772.478.257	6.454.205.923
Các công trình/hạng mục khác	2.265.212.617	7.052.744.471
	<u><b>45.220.644.197</b></u>	<u><b>67.407.601.160</b></u>

**10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	<b>Nhà và căn hộ cho thuê VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/01/2012	-
Tăng trong kỳ	46.374.370.908
Tại ngày 30/6/2012	<u>46.374.370.908</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2012	-
Trích khấu hao trong kỳ	463.743.709
Tại ngày 30/6/2012	<u>463.743.709</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 30/6/2012	<u><b>45.910.627.199</b></u>
Tại ngày 31/12/2011	<u><b>-</b></u>

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một Công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này và cũng không có cơ sở hợp lý để đánh giá giá trị bất động sản đầu tư này tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Xuân Mai Đạo Tú	Vĩnh Phúc	65,00%	65,00%	Sản xuất cầu kiện bê tông và thi công xây lắp công trình
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Vinaconex Xuân Mai	Hà Nội	68,52%	68,52%	Thiết kế và ép cọc
Công ty Cổ phần Bê tông Vinaconex Phan Vũ	Hải Dương	82,24%	82,24%	Sản xuất cầu kiện bê tông, ống bê tông
Công ty Cổ phần Cơ giới Vận tải Vinaconex Xuân Mai	Hà Nội	77,78%	77,78%	Vận tải
Công ty Cổ phần Xây lắp Vinaconex Xuân Mai	Hà Nội	83,53%	83,53%	Xây lắp công trình
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 45	Bình Dương	60,55%	60,55%	Sản xuất lắp đặt cầu kiện bê tông
Công ty Cổ phần Vinaconex Xuân Mai Đà Nẵng	Đà Nẵng	51,00%	51,00%	Sản xuất cầu kiện bê tông, xi măng và thi công công trình

**12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
<b>Đầu tư chứng khoán</b>	<b>5.070.746.213</b>	<b>4.902.746.213</b>
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ	1.835.000.000	1.835.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển điện miền Bắc 2	722.150.000	722.150.000
Công ty Đầu tư Xi măng Cẩm Phả	2.327.096.213	2.327.096.213
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	186.500.000	18.500.000
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>114.190.125.232</b>	<b>105.198.195.000</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng nhà ở Sơn An	29.970.755.000	29.970.755.000
Công ty TNHH Thương mại Hoàn Vũ Phong Phú (i)	37.750.000.000	37.750.000.000
Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Hai Thành	37.477.440.000	37.477.440.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 1.01	8.991.930.232	-
	<b>119.260.871.445</b>	<b>110.100.941.213</b>

(i) Phản ánh số dư khoản góp vốn hợp tác kinh doanh và đầu tư với Công ty TNHH Thương mại Hoàn Vũ Phong Phú theo Hợp đồng góp vốn hợp tác kinh doanh và đầu tư vốn số 216/HĐKT/2009 ngày 22 tháng 9 năm 2009. Theo Hợp đồng này, (a) Công ty góp vốn với Công ty TNHH Thương mại Hoàn Vũ Phong Phú để thực hiện dự án bất động sản tại đường Đình Phong Phú, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh; (b) Công ty TNHH Thương mại Hoàn Vũ Phong Phú có trách nhiệm chính trong việc giải quyết các thủ tục đầu tư với chính quyền địa phương để có giấy phép xây dựng.

Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty TNHH Thương mại Hoàn Vũ Phong Phú vẫn đang thực hiện các thủ tục để được UBND thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

Ban Giám đốc Công ty tin tưởng vào khả năng tiếp tục thực hiện của dự án; do đó, Ban Giám đốc Công ty đánh giá và tin tưởng rằng không cần phải trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư góp vốn hợp tác kinh doanh này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn	348.546.727.269	450.427.659.383
Vay ngắn hạn ngân hàng	303.110.265.220	435.170.761.253
Vay ngắn hạn tổ chức kinh tế khác	17.019.927.670	11.467.726.290
Vay đối tượng khác	28.416.534.379	3.789.171.840
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>327.257.020.916</b>	<b>185.892.856.301</b>
	<u><b>675.803.748.185</b></u>	<u><b>636.320.515.684</b></u>

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	28.459.906.713	18.930.031.727
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.645.939.770	5.226.923.687
Các loại thuế khác (i)	101.110.992.295	856.497.807
	<u><b>140.216.838.778</b></u>	<u><b>25.013.453.221</b></u>

(i) Số dư các loại thuế khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 bao gồm 100.176.026.132 VND tiền thuế đất phải nộp phát sinh liên quan đến Dự án Xuân Mai Tower.

**15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Phí bảo trì	18.230.297.226	18.284.422.715
Vay cán bộ, công nhân viên	83.063.233.427	75.607.931.072
Phải trả, phải nộp về hoạt động sản xuất kinh doanh	27.469.299.921	14.269.963.982
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (i)	9.372.107.689	16.372.107.689
Các khoản phải trả khác	13.974.270.060	17.773.782.454
	<u><b>152.109.208.323</b></u>	<u><b>142.308.207.912</b></u>

(i) Phải trả Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam liên quan tới việc nhận bàn giao tài sản từ Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam.

**16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Vay và nợ ngân hàng	97.297.098.757	101.834.230.481
Vay và nợ cá nhân	1.273.684.107	-
	<u><b>98.570.782.864</b></u>	<u><b>101.834.230.481</b></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	327.257.020.916	185.892.856.301
Trong năm thứ hai	57.433.138.211	39.223.775.956
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	32.269.772.653	53.573.410.648
Sau năm năm	8.867.872.000	9.037.043.877
	<u>425.827.803.780</u>	<u>287.727.086.782</u>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>(327.257.020.916)</u>	<u>(185.892.856.301)</u>
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<u><b>98.570.782.864</b></u>	<u><b>101.834.230.481</b></u>

**17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện số tiền nhận trước từ việc cho thuê mặt bằng tại Tòa nhà CT2, Ngõ Thị Nhậm, Hà Đông.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ		Thặng dư vốn		Chênh lệch tỷ		Quỹ đầu tư		Quỹ dự phòng		Lợi nhuận		Tổng	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND		VND	
<b>Tại ngày 01/01/2011</b>	<b>151.744.960.000</b>	<b>62.775.944.067</b>	<b>(30.845.085)</b>	<b>31.689.404</b>	<b>23.344.413.870</b>	<b>5.373.448.080</b>	<b>56.910.756.652</b>	<b>300.150.366.988</b>						
Tăng trong năm	48.237.440.000	-	-	-	-	-	-	48.237.440.000						
Tăng vốn điều lệ	-	-	-	-	-	-	-	16.240.334.636						
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	11.788.108.106	3.232.051.001	-	15.020.159.107						
Trích từ lợi nhuận	-	-	-	-	149.713.844	36.686.809	-	292.032.713						
Tăng khác	-	-	-	105.632.060	-	-	-	-						
<b>Giảm trong năm</b>														
Trích các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	(24.841.781.826)						
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(29.994.720.000)						
Tặng/(Giảm) khác	-	(41.827.273)	-	(137.321.464)	-	-	-	6.313.750.372						
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>199.982.400.000</b>	<b>62.734.116.794</b>	<b>(30.845.085)</b>	<b>-</b>	<b>35.282.235.820</b>	<b>8.642.185.890</b>	<b>24.628.339.834</b>	<b>331.238.433.253</b>						
<b>Tăng trong kỳ</b>														
Trích từ lợi nhuận	-	-	-	-	852.629.964	868.302.902	-	1.720.932.866						
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	121.296.482						
<b>Giảm trong kỳ</b>														
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	(19.120.262.305)						
Trích các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	(3.768.769.397)						
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	(2.983.318.393)						
<b>Tại ngày 30/6/2012</b>	<b>199.982.400.000</b>	<b>62.734.116.794</b>	<b>(30.845.085)</b>	<b>-</b>	<b>36.134.865.784</b>	<b>9.510.488.792</b>	<b>(1.122.713.779)</b>	<b>307.208.312.506</b>						

Trong kỳ, Công ty đã trích các quỹ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2011 theo các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 của Công ty và các công ty con.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**19. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (Tiếp theo)**

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 :

	Sản xuất công nghiệp và thi công xây lắp		Loại trừ	Tổng cộng
	Bất động sản			
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	174.315.409.687	289.907.469.246	-	464.222.878.933
Giá vốn bộ phận	165.647.108.626	223.685.331.605	-	389.332.440.231
Lợi nhuận gộp	8.668.301.061	66.222.137.641	-	74.890.438.702
Chi phí không phân bổ				54.186.412.206
<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh</b>				<b>20.704.026.496</b>
Doanh thu hoạt động tài chính				1.271.220.695
Lợi nhuận khác				2.005.125.768
Chi phí tài chính				48.212.643.770
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>				<b>(24.232.270.811)</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				3.913.104.831
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
<b>Lợi nhuận trong kỳ</b>				<b>(28.145.375.642)</b>
% Tổng doanh thu thuần	38%	62%		100%

**20. DOANH THU THUẦN**

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
	VND	VND
Bất động sản	174.315.409.687	161.331.571.540
Sản xuất công nghiệp và thi công xây lắp	280.033.526.779	293.759.501.002
Doanh thu khác	9.873.942.467	22.000.225.209
	<b>464.222.878.933</b>	<b>477.091.297.751</b>

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
	VND	VND
Bất động sản	165.647.108.626	149.137.928.221
Sản xuất công nghiệp và thi công xây lắp	218.001.669.052	209.300.000.979
Giá vốn hoạt động khác	5.683.662.553	10.493.754.349
	<b>389.332.440.231</b>	<b>368.931.683.549</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012</u>	<u>Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	44.190.715.982	29.553.297.444
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	920.421.787	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	170.788.639	1.858.183.372
Chi phí tài chính khác	2.930.717.362	1.132.772.427
	<b><u>48.212.643.770</u></b>	<b><u>32.544.253.243</u></b>

**23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012</u>
	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	281.138.124.372
Chi phí nhân công	127.263.421.079
Chi phí khấu hao tài sản cố định	34.325.890.024
Chi phí dịch vụ mua ngoài	64.025.439.801
Chi phí khác	122.299.912.535
	<b><u>629.052.787.811</u></b>

**24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012</u>	<u>Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011</u>
(Lỗ)/Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông của công ty mẹ (VND)	(19.120.262.305)	12.819.528.579
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	19.996.480	17.676.466
(Lỗ)/Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	(956)	725

**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 13 và 16 trừ đi tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Các chính sách kế toán chủ yếu (Tiếp theo)**

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền	30.921.801.658	56.907.010.406
Đầu tư ngắn hạn	8.086.125.323	8.890.586.823
Phải thu khách hàng và phải thu khác	245.943.166.286	325.443.305.691
Đầu tư dài hạn	118.075.341.602	109.767.583.157
Tài sản tài chính khác	7.898.598	10.291.799
<b>Tổng cộng</b>	<b>403.034.333.467</b>	<b>501.018.777.876</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	774.374.531.049	738.154.746.165
Phải trả người bán và phải trả khác	424.857.918.417	422.016.334.728
Chi phí phải trả	10.470.777.950	39.226.247.705
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.209.703.227.416</b>	<b>1.199.397.328.598</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/6/2012	31/12/2011	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	4.298.864.626	20.322.274.291	7.448.739	7.922.628

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

*Quản lý rủi ro về giá*

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

30/6/2012	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	424.857.918.417	-	424.857.918.417
Chi phí phải trả	10.470.777.950	-	10.470.777.950
Các khoản vay	675.803.748.185	98.570.782.864	774.374.531.049
	<b>1.111.132.444.552</b>	<b>98.570.782.864</b>	<b>1.209.703.227.416</b>
31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	422.016.334.728	-	422.016.334.728
Chi phí phải trả	39.226.247.705	-	39.226.247.705
Các khoản vay	636.320.515.684	101.834.230.481	738.154.746.165
	<b>1.097.563.098.117</b>	<b>101.834.230.481</b>	<b>1.199.397.328.598</b>

Ban Giám đốc đánh giá Công ty có rủi ro thanh khoản. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/6/2012	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền	30.921.801.658	-	30.921.801.658
Đầu tư ngắn hạn	8.086.125.323	-	8.086.125.323
Phải thu khách hàng và phải thu khác	245.591.967.286	351.199.000	245.943.166.286
Đầu tư dài hạn	-	118.075.341.602	118.075.341.602
Tài sản tài chính khác	7.898.598	-	7.898.598
	<b>284.607.792.865</b>	<b>118.426.540.602</b>	<b>403.034.333.467</b>
31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền	56.907.010.406	-	56.907.010.406
Đầu tư ngắn hạn	8.890.586.823	-	8.890.586.823
Phải thu khách hàng và phải thu khác	321.587.846.982	3.855.458.709	325.443.305.691
Đầu tư dài hạn	-	109.767.583.157	109.767.583.157
Tài sản tài chính khác	10.291.799	-	10.291.799
	<b>387.395.736.010</b>	<b>113.623.041.866</b>	<b>501.018.777.876</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)** MÃ SỐ B 09-DN/HN  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 VND	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	88.216.676.813	93.519.084.309
Công ty Cổ phần Vinaconex 6	6.734.981.656	5.508.184.546
Ban quản lý Dự án Trọng điểm Quảng Ninh	7.633.097.220	
Công ty TNHH Quốc tế Liên doanh Vinaconex Taisei	51.949.308.363	34.050.129.202
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng mở rộng đường Láng - Hòa Lạc	-	2.273.015.564
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex	23.713.689.117	-
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>		
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex	7.047.296.756	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án VPM - Hà Nội	2.155.454.545	-

Số dư chủ yếu với các bên liên quan:

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
<b>Phải thu và phải thu khác</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	66.393.264.703	66.171.392.657
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	688.260.000	688.260.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	5.506.436.148	5.474.236.148
Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex 16	600.007.500	600.007.500
Công ty Cổ phần Xây dựng số 21	2.260.636.933	2.260.636.933
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex	19.436.718.196	14.107.695.998
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Mở rộng đường Láng - Hòa Lạc	3.308.422.820	3.670.065.110
Ban Điều hành Dự án thủy điện Buôn Kuốp	1.792.165.223	1.792.165.223
Công ty TNHH Quốc tế Liên doanh Vinaconex Taisei	7.455.615.700	-
Ban quản lý Dự án trọng điểm Quảng Ninh	3.241.757.765	1.354.009.823
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm	6.589.416.471	6.589.416.471

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan (Tiếp theo):

	<b>30/6/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải trả, nhận ứng trước và phải trả khác</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	22.505.286.658	22.774.547.886
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	4.407.598.902	-
Công ty Cổ phần Vinaconex 25	-	729.656.925
Công ty Cổ phần VIMECO	94.611.000	1.517.316.628
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Vinaconex	-	1.199.630.100
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án VPM - Hà Nội	4.960.891.239	3.352.483.489
<b>Vay ngắn hạn</b>		
Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel	12.614.594.629	14.964.805.346
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	4.405.333.041	4.405.333.041
<b>Thu nhập của Ban Giám đốc</b>		
	<b>Từ ngày 01/01/2012</b>	<b>Từ ngày 01/01/2011</b>
	<b>đến ngày 30/6/2012</b>	<b>đến ngày 30/6/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thu nhập của Ban Giám đốc	827.758.326	1.226.979.631

**27. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 đã được soát xét. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.



**Đặng Hoàng Huy**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 29 tháng 8 năm 2012

**Mai Xuân Toàn**  
**Kế toán trưởng**